

Số: 79/BC-ĐDBQH

Bắc Kạn, ngày 21 tháng 11 năm 2022

BÁO CÁO

Kết quả giám sát việc thực hiện Nghị quyết số 62/2013/QH13 ngày 27/11/2013 của Quốc hội về tăng cường công tác quản lý quy hoạch, đầu tư xây dựng, vận hành khai thác công trình thủy điện trên địa bàn tỉnh

Thực hiện Kế hoạch số 49/KH-ĐDBQH ngày 16/8/2022 của Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh Bắc Kạn về giám sát việc thực hiện Nghị quyết số 62/2013/QH13 ngày 27/11/2013 của Quốc hội về tăng cường công tác quản lý quy hoạch, đầu tư xây dựng, vận hành khai thác công trình thủy điện trên địa bàn tỉnh (NQ62), Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh Bắc Kạn đã yêu cầu các cơ quan, đơn vị liên quan, chủ đầu tư các dự án thủy điện trên địa bàn tỉnh có báo cáo phục vụ giám sát; tổ chức khảo sát thực tế tại Nhà máy thủy điện Pác Cáp, Nậm Cắt, Thác Giềng 1; giám sát trực tiếp đối với Công ty Cổ phần Thủy điện Sử Pán 1, Công ty Cổ phần Đầu tư ANZEN, Công ty Cổ phần Sông Đà Bắc Kạn, UBND các xã Lương Thượng, Sơn Thành, Văn Minh (huyện Na Rì), xã Đôn Phong (huyện Bạch Thông), phường Xuất Hóa (thành phố Bắc Kạn), Ủy ban nhân dân các huyện Na Rì, Bạch Thông, thành phố Bắc Kạn; các sở, ngành Công Thương, Tài nguyên và Môi trường, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Quỹ Phát triển đất, rừng và bảo vệ môi trường.

Đoàn giám sát đã nhận được báo cáo của 26/34 đơn vị¹ thuộc đối tượng giám sát. Nhìn chung, đa số các cơ quan, đơn vị đã xây dựng báo cáo bám sát đề cương, bố trí đúng thành phần làm việc với Đoàn giám sát. Tuy nhiên, nội dung báo cáo của một số đơn vị còn sơ sài, nhất là báo cáo của UBND các huyện.

Về kết quả giám sát cụ thể, Đoàn ĐBQH tỉnh báo cáo như sau:

I. KẾT QUẢ THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT SỐ 62

1. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo, triển khai thực hiện Nghị quyết số 62

NQ62 của Quốc hội yêu cầu Chính phủ chỉ đạo các Bộ, ngành, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có liên quan thực hiện một số nhiệm vụ trọng tâm nhằm tăng cường công tác quản lý quy hoạch, đầu tư xây dựng, vận hành khai thác công trình thủy điện.

Trên cơ sở NQ62, Chính phủ đã ban hành Nghị quyết số 11/NQ-CP ngày 18 tháng 02 năm 2014 ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 62/2013/QH13 ngày 27 tháng 11 năm 2013 của Quốc hội về tăng cường công tác quản lý quy hoạch, đầu tư xây dựng, vận hành khai thác công

¹ Đoàn ĐBQH tỉnh chưa nhận được báo cáo của các cơ quan, đơn vị: UBND huyện Pác Nặm, UBND xã Mỹ Thanh, UBND xã Thượng Ân; Dự án Thủy điện Pác Nặm, Mỹ Thanh, Công Bằng, Nậm Cắt 2, Kim Lư.

trình thủy điện (NQ11).

Triển khai NQ62 và NQ11, UBND tỉnh Bắc Kạn đã ban hành Quyết định số 820/QĐ-UBND ngày 21/5/2014 về kế hoạch triển khai Chương trình hành động theo Nghị quyết số 11/NQ-CP ngày 18/02/2014 của Chính phủ về tăng cường công tác quản lý quy hoạch, đầu tư xây dựng, vận hành khai thác công trình thủy điện, trong đó quy định các nhiệm vụ cụ thể và phân công cho từng sở, ngành chuyên môn tổ chức thực hiện theo thẩm quyền, bám sát các nhiệm vụ nêu trong NQ11. Theo đó, các sở, ngành đã nghiêm túc triển khai các nhiệm vụ được phân công.

Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Kạn đã ban hành các văn bản chỉ đạo việc rà soát quy hoạch phát triển thủy điện theo NQ62; các văn bản quy phạm pháp luật trong lĩnh vực đầu tư, xây dựng thủy điện như: Quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư các dự án thủy lợi, thủy điện trên địa bàn tỉnh; về việc phê duyệt đơn giá đầu tư trồng rừng thay thế khi chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn; trách nhiệm quản lý Nhà nước về chất lượng công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn; về việc hướng dẫn thủ tục thực hiện dự án đầu tư thủy điện trên địa bàn tỉnh,...

Bên cạnh những kết quả đạt được, công tác chỉ đạo triển khai thực hiện các cơ chế chính sách pháp luật liên quan đến công tác quản lý quy hoạch, đầu tư xây dựng, vận hành khai thác công trình thủy điện có lúc chưa được thường xuyên.

2. Kết quả thực hiện

2.1. Về rà soát, đánh giá quy hoạch và kết quả thực hiện quy hoạch thủy điện vừa và nhỏ trên địa bàn tỉnh.

Với đặc điểm địa hình các sông, suối trên địa bàn tỉnh có độ dốc không lớn, lưu lượng nước không nhiều nên quy hoạch thủy điện tỉnh Bắc Kạn được xây dựng chủ yếu là thủy điện vừa và nhỏ nhằm khai thác tiềm năng lợi thế tài nguyên nước và để bổ sung nguồn điện năng cho lưới điện quốc gia. Quy hoạch thủy điện vừa và nhỏ tỉnh Bắc Kạn đã được Bộ Công Thương thẩm định và Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 2461/QĐ-UBND ngày 17/11/2010, gồm 24 dự án với tổng công suất lắp máy 41,2MW.

Trên cơ sở quy hoạch được phê duyệt và các nhiệm vụ đã được cụ thể hóa tại Quyết định số 820/QĐ-UBND ngày 20/5/2014 của UBND tỉnh, các sở, ngành chuyên môn của tỉnh đã chủ động tham mưu cho UBND tỉnh phối hợp với Bộ Công Thương rà soát, điều chỉnh, bổ sung quy hoạch dự án thủy điện đảm bảo các yêu cầu tại NQ62 của Quốc hội (*như đảm bảo sử dụng tài nguyên nước hợp lý, bảo vệ đa dạng sinh học, kiên quyết loại bỏ, dừng các dự án, công trình thủy điện không hiệu quả, không đảm bảo an toàn, ...*).

Trong quá trình thực hiện quy hoạch, các cơ quan chức năng của tỉnh đã tăng cường công tác quản lý nhà nước, hướng dẫn, kiểm tra thực hiện quy hoạch thủy điện đối với các dự án đã và đang triển khai, trong đó chú trọng việc chấp hành các giải pháp bảo vệ môi trường và an toàn đập của các hồ chứa, đồng thời tạo điều kiện thuận lợi để thu hút các nhà đầu tư.

Việc rà soát, điều chỉnh quy hoạch thủy điện được thực hiện theo trình tự, thủ tục quy định tại Thông tư số 43/2012/TT-BCT ngày 27/12/2012 của Bộ Công Thương quy định về quản lý quy hoạch, đầu tư xây dựng dự án thủy điện và vận hành khai thác công trình thủy điện và các quy định pháp luật có liên quan. Kết quả rà soát, đánh giá và điều chỉnh quy hoạch thủy điện: Trong tổng số 24 dự án tại Quyết định số 2461/QĐ-UBND ngày 17/11/2010 có 17 dự án có quy mô công suất nhỏ hơn 3,0MW bị loại bỏ khỏi quy hoạch, 02 dự án điều chỉnh nâng công suất² nhằm tận dụng tối đa nguồn thủy năng, nâng cao hiệu quả dự án và sử dụng công nghệ, thiết bị có hiệu suất cao hơn sau quá trình nghiên cứu khảo sát lại địa hình, địa chất, thủy văn; có 11 dự án được bổ sung thêm vào quy hoạch.

Về kết quả thực hiện quy hoạch thủy điện vừa và nhỏ: Tại thời điểm giám sát, toàn tỉnh có 09 dự án thủy điện trong quy hoạch đã được chấp thuận đầu tư; 05 dự án thủy điện đã hoàn thành đi vào vận hành phát điện³; không có dự án đang thi công, không có dự án dừng thi công, 01 dự án chuyển đổi chủ đầu tư⁴, có 02 dự án đã cơ bản hoàn thiện các thủ tục đầu tư để chuẩn bị khởi công xây dựng, tuy nhiên chậm tiến độ so với kế hoạch⁵ do vướng mắc trong công tác giải phóng mặt bằng. Số dự án đã được cấp giấy chứng nhận đầu tư hoặc quyết định chủ trương đầu tư là 07 dự án, trong đó có 02 dự án đã thực hiện xong bước lập Báo cáo nghiên cứu khả thi và đánh giá tác động môi trường⁶ và 05 dự án đang được các nhà đầu tư phối hợp với đơn vị tư vấn tiến hành khảo sát lập hồ sơ Báo cáo nghiên cứu khả thi⁷. Các dự án đã được UBND tỉnh chấp thuận tiến độ thực hiện đầu tư xây dựng.

2.2. Về quản lý đầu tư xây dựng dự án thủy điện

Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định chủ trương đầu tư và Sở Kế hoạch và Đầu tư cấp Giấy chứng nhận đầu tư xây dựng các dự án, công trình thủy điện trên địa bàn theo thẩm quyền, quy định của Luật Đầu tư và các văn bản hướng dẫn liên quan. Việc chọn Chủ đầu tư dự án thủy điện thực hiện theo quy định tại Thông tư số 43/2012/TT-BCT ngày 27/12/2012 của Bộ Công Thương quy định về quản lý quy hoạch, đầu tư xây dựng dự án thủy điện và vận hành khai thác công trình thủy điện và các văn bản liên quan.

Việc thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường, thiết kế cơ sở, thiết kế kỹ thuật thi công trước khi phê duyệt đầu tư được các cơ quan có thẩm quyền thực hiện theo quy định của Luật Xây dựng và các văn bản hướng dẫn thi hành.

² Thủy điện Thác Giềng 1 nâng công suất từ 4,5MW lên 5,5MW; thủy điện Pác Cáp nâng công suất từ 3,2MW lên 6,0MW.

³ 05 nhà máy thủy điện vận hành với tổng công suất là 21,6MW³, sản lượng điện phát ra hòa lưới điện quốc gia năm 2021 chiếm khoảng 20% sản lượng điện tiêu thụ của tỉnh.

⁴ Dự án thủy điện Nậm Cát do công ty Cổ phần điện lực dầu khí Bắc Kạn làm chủ đầu tư chuyển sang Công ty Cổ phần đầu tư ANZEN.

⁵ Dự án thủy điện Thác Giềng 2 và Dự án thủy điện Khuổi Nộc.

⁶ Dự án thủy điện Khuổi Nộc 2, xã Lương Thượng, huyện Na Rì và xã Thượng Quan, huyện Ngân Sơn và dự án thủy điện Khuổi Thốc, xã Đôn Phong, huyện Bạch Thông.

⁷ Dự án thủy điện Pác Nặm, xã Bằng Thành, xã Xuân La và xã An Thắng, huyện Pác Nặm; thủy điện Mỹ Thanh, xã Mỹ Thanh, huyện Bạch Thông; thủy điện Nậm Cát 2, xã Đôn Phong, huyện Bạch Thông; thủy điện Công Bằng, xã Công Bằng, huyện Pác Nặm; thủy điện Kim Lư, xã Kim Lư, huyện Na Rì.

Công tác quản lý xây dựng công trình thủy điện được thực hiện đúng quy định. Các dự án nhà máy thủy điện trên địa bàn do doanh nghiệp đầu tư xây dựng, không sử dụng vốn ngân sách nhà nước, nên việc lập kế hoạch thực hiện đầu tư xây dựng các dự án thủy điện hằng năm do doanh nghiệp quyết định. Các chủ đầu tư tuân thủ các quy định của pháp luật về lập dự án đầu tư, trình thẩm định, phê duyệt dự án.

Theo nhiệm vụ được phân công, Sở Công Thương đã phối hợp với cơ quan liên quan hướng dẫn, kiểm tra, giám sát việc thi công xây dựng và nghiệm thu việc đầu tư xây dựng các dự án thủy điện trước khi đưa vào sử dụng. Việc đầu tư xây dựng các dự án cơ bản đảm bảo tiến độ theo cam kết trong quyết định chủ trương đầu tư. Tuy nhiên, còn có dự án thủy điện Khuổi Nộc chậm 21 tháng so với yêu cầu do tiến độ thu hồi đất chậm. Đối với các dự án chậm tiến độ, các chủ đầu tư đã thực hiện thủ tục gia hạn theo quy định hiện hành về đầu tư.

2.3. Việc thực hiện chính sách bồi thường, hỗ trợ, tái định cư dự án thủy điện và việc ban hành chính sách ổn định đời sống và sản xuất cho người dân sau tái định cư.

Các dự án thủy điện trên địa bàn tỉnh có quy mô công suất nhỏ, quá trình đầu tư xây dựng không có hộ dân phải di chuyển, tái định cư. Theo báo cáo của UBND các huyện, thành phố, ảnh hưởng chủ yếu của các dự án thủy điện đối với các hộ dân là bị mất đất sản xuất (*thành phố Bắc Kạn có 84 hộ; huyện Chợ Mới có 33 hộ, huyện Bạch Thông có 61 hộ*)⁸. Các hộ dân bị ảnh hưởng về đất sản xuất được bồi thường, hỗ trợ theo các quy định hiện hành. UBND tỉnh Bắc Kạn đã ban hành Quyết định số 10/2015/QĐ-UBND ngày 23/7/2015 quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư các dự án thủy lợi, thủy điện trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn, tuy nhiên đối với các công trình, dự án thủy điện đã thực hiện đến thời điểm giám sát, không có trường hợp thu hồi đất ở mà phải bố trí tái định cư.

2.4. Về quản lý vận hành khai thác các dự án thủy điện

Qua xem xét báo cáo của UBND tỉnh và các cơ quan liên quan cho thấy, trước khi vận hành phát điện, các nhà máy thủy điện đều được cấp giấy phép hoạt động điện lực⁹; được phê duyệt Quy trình vận hành hồ chứa thủy điện theo quy định tại Nghị định số 114/2018/NĐ-CP ngày 04/9/2018 của Chính phủ quy định về quản lý an toàn đập, hồ chứa nước và Thông tư 09/2019/TT-BCT ngày 08/7/2019 của Bộ Công Thương quy định về quản lý an toàn đập, hồ chứa thủy điện.

Cơ quan chức năng của tỉnh là Sở Tài nguyên và Môi trường đã chủ trì phối hợp với các đơn vị hướng dẫn kiểm tra việc thực hiện cấm mốc hành lang bảo vệ hồ chứa các công trình thủy điện theo quy định. Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 12 Nghị định số 43/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ quy định lập, quản lý hành lang bảo vệ nguồn nước, các hồ chứa thủy điện có dung tích từ

⁸ Báo cáo của UBND tỉnh chưa có số liệu tổng thể về số hộ bị mất đất sản xuất.

⁹ Trong đó có 04 nhà máy thuộc thẩm quyền cấp giấy phép của Bộ Công Thương (*gồm thủy điện: Tà Làng, Nậm Cát, Thác Giếng 1, Pác Cáp*), 01 nhà máy thuộc thẩm quyền cấp giấy phép của UBND tỉnh (*thủy điện Thượng Ân*).

một triệu mét khối (1.000.000 m³) trở lên phải thực hiện việc cắm mốc hàng lang bảo vệ nguồn nước. Trên địa bàn tỉnh hiện có 02 hồ chứa thủy điện có dung tích từ 1 triệu m³ trở lên và đã thực hiện cắm mốc¹⁰.

Tuy nhiên, tại thời điểm giám sát, thủy điện Thác Giềng 1 và thủy điện Thượng Ân chưa hoàn thành việc lắp đặt camera và các thiết bị quan trắc tự động để thực hiện việc quan trắc, giám sát trực tuyến mực nước hồ, lưu lượng phát điện của nhà máy, lưu lượng qua tràn, lưu lượng xả dòng chảy tối thiểu¹¹. Qua kiểm tra của Hội đồng tư vấn đánh giá an toàn đập, hồ chứa nước trên địa bàn tỉnh, vẫn còn tình trạng các hồ chứa chưa có bản đồ ngập lụt, chưa xây dựng quy trình bảo trì¹².

Về quá trình vận hành phát điện, các nhà máy thủy điện thực hiện theo Quy trình điều độ hệ thống điện quốc gia, quy trình điều độ của Trung tâm hệ thống điện miền Bắc và Công ty Điện lực Bắc Kạn. Công tác quản lý an toàn các hồ chứa thủy điện được thực hiện theo các quy định tại Nghị định số 114/2018/NĐ-CP ngày 04 tháng 09 năm 2018 của Chính phủ về quản lý an toàn đập, hồ chứa nước. Công tác bảo trì công trình thủy điện được các chủ đầu tư thực hiện hàng năm, đảm bảo vận hành phát điện an toàn cho người và thiết bị. Thực tế khảo sát tại các nhà máy thủy điện, Đoàn giám sát thấy rằng các nhà máy thủy điện đang vận hành an toàn, có công nhân trực đảm bảo việc vận hành phát điện và duy trì dòng chảy tối thiểu ở hạ lưu theo quy trình quy định. Tuy nhiên, tại một số công trình, còn thiếu cán bộ vận hành có kinh nghiệm, có lúc chưa tuân thủ quy trình vận hành đã được phê duyệt; chưa lập kế hoạch vận hành chi tiết, thiếu linh hoạt trong thực hiện quy trình vận hành¹³.

Trong quá trình thi công và vận hành, cơ bản các dự án thủy điện thực hiện nghiêm túc công tác bảo vệ môi trường theo hồ sơ môi trường đã được phê duyệt/xác nhận, không phát sinh các vấn đề vướng mắc và nổi cộm. Trong số 05 dự án thủy điện đang hoạt động trên địa bàn tỉnh có 03 dự án đã được UBND cấp huyện xác nhận cam kết bảo vệ môi trường, 02 dự án đã có báo cáo đánh giá tác động môi trường phê duyệt (Bộ Tài nguyên và Môi trường phê duyệt 01 dự án, UBND tỉnh phê duyệt 01 dự án). Tuy nhiên, còn có Nhà máy thủy điện Thác Giềng 1 chưa có kho chứa chất thải nguy hại.

2.5. Về công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng; trồng rừng thay thế; thực hiện chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng

Trong quá trình triển khai đầu tư xây dựng và vận hành các nhà máy thủy điện, các chủ dự án đã cơ bản thực hiện công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng trong khu vực dự án theo quy định. Các công trình thủy điện trên địa bàn tỉnh không có hành vi vi phạm về chặt phá rừng trong quá trình đầu tư, xây dựng

¹⁰ Tại Quyết định số 2232/QĐ-UBND ngày 08/12/2020 của UBND tỉnh phê duyệt phương án cắm mốc hàng lang bảo vệ nguồn nước hồ chứa thủy điện Thác Giềng I, địa điểm tại phường Xuất Hoá, thành phố Bắc Kạn và xã Mỹ Thanh, huyện Bạch Thông, tỉnh Bắc Kạn; tại Quyết định số 1514/QĐ-UBND ngày 16/8/2021 của UBND tỉnh Bắc Kạn phê duyệt phương án cắm mốc hàng lang bảo vệ nguồn nước hồ chứa thủy điện Pác Cáp, xã Sơn Thành và xã Văn Minh, huyện Na Rì, tỉnh Bắc Kạn.

¹¹ Theo báo cáo số 246/BC-STNMT ngày 15 tháng 9 năm 2022 của Sở Tài nguyên và Môi trường

¹² Theo báo cáo số 338/BC-SNN ngày 26/8/2022 của Sở Nông nghiệp và PTNT

¹³ Báo cáo số 338/BC-SNN ngày 26/8/2022 của Sở Nông nghiệp và PTNT

hạ tầng của công trình.

Về công tác trồng rừng thay thế: UBND tỉnh và các chủ đầu tư các dự án thủy điện đã quan tâm triển khai thực hiện quy định về trồng rừng thay thế. Tổng diện tích phải thực hiện trồng rừng thay thế do chuyển mục đích sử dụng rừng để làm thủy điện trên địa bàn tỉnh là 43,84 ha¹⁴. Một số chủ đầu tư tự thực hiện trồng rừng thay thế, một số chủ đầu tư thực hiện thông qua việc nộp tiền trồng rừng thay thế về Quỹ phát triển đất, rừng và bảo vệ môi trường. Kết quả cụ thể:

+ Dự án thủy điện Thượng Ân, tổng diện tích trồng thay thế là 3,0ha, chủ đầu tư đã thực hiện trồng rừng được khoảng 1,4ha, diện tích còn lại phải trồng là 1,6ha;

+ Dự án thủy điện Tà Làng, theo chủ đầu tư báo cáo tự thực hiện xong việc trồng rừng thay thế;

+ Dự án thủy điện Nậm Cắt, diện tích đất rừng chuyển đổi 12,02 ha, theo báo cáo ngày 10/3/2014 Công ty CP Điện lực Dầu khí Bắc Kạn có Văn bản số 40/ĐLĐKBK/KT-KT&AT về việc xin cấp đất để lập và triển khai phương án trồng rừng thay thế gửi UBND tỉnh và UBND tỉnh đã chỉ đạo Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn thực hiện tại Văn bản số 638/UBND-CN ngày 17/3/2014; Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã hướng dẫn Công ty hiện phương án trồng rừng thay thế tại Văn bản số 243/SNN-CCLN ngày 31/3/2014, đến nay chủ đầu tư chưa thực hiện;

+ Dự án thủy điện Pác Cáp, được UBND tỉnh chấp thuận phương án nộp tiền trồng rừng thay thế tại văn bản số 1682/UBND-KTTCKT ngày 04/4/2019; chủ đầu tư đã thực hiện nộp tiền trồng rừng thay thế về Quỹ Phát triển đất, rừng và Bảo vệ môi trường tỉnh;

+ Dự án thủy điện Thác Giềng 1, tổng diện tích trồng thay thế là 9,54ha được UBND tỉnh chấp thuận phương án nộp tiền trồng rừng thay thế tại Văn bản số 3981/UBND-KT ngày 24/7/2018; chủ đầu tư đã thực hiện nộp tiền trồng rừng thay thế về Quỹ Phát triển đất, rừng và Bảo vệ môi trường tỉnh tương đương 2,41ha.

Theo số liệu báo cáo của Quỹ phát triển đất, rừng và bảo vệ môi trường tỉnh, tổng số tiền thu trồng rừng thay thế lũy kế đến tháng 6/2022 của các dự án chuyển đổi mục đích sử dụng rừng để xây dựng thủy điện là 496.554.057 đồng/ số phải thu là 1.091.099.222 đồng¹⁵ (tương đương 46%). Các nhà máy thủy điện đã ký hợp đồng thu ủy thác tiền dịch vụ môi trường rừng thông qua Quỹ phát triển đất, rừng và bảo vệ môi trường tỉnh. Tổng số tiền dịch vụ môi trường rừng đã thu lũy kế đến tháng 6/2022 của các cơ sở sản xuất thủy điện là 8.303.486.476 đồng. Quỹ phát triển đất, rừng và bảo vệ môi trường đã phối hợp với Sở Nông nghiệp và PTNT, Chi cục Kiểm lâm tỉnh, UBND các xã phối hợp rà soát diện tích rừng đủ điều kiện chi trả dịch vụ môi trường rừng trình UBND tỉnh phê duyệt để chi trả cho các chủ rừng. Tại thời điểm giám sát, Quỹ đã chi trả xong nguồn kinh phí của

¹⁴ Số liệu tại báo cáo 566/BC-UBND ngày 07/9/2022 của UBND tỉnh.

¹⁵ Theo báo cáo của Quỹ phát triển đất, rừng và bảo vệ môi trường, còn Công ty Cổ phần Sông Đà Bắc Kạn chưa nộp tiền trồng rừng thay thế cho Dự án thủy điện Thác Giềng 1 và 2 với số tiền 470.942.625 đồng tương đương diện tích 7,13 ha.

năm 2018, 2019, 2020 của 3 nhà máy thủy điện Nậm Cắt, Tà Làng và Thượng Ân. Đối với Nhà máy thủy điện Thác Giềng 1&2 và thủy điện Pác Cáp, do mới ký hợp đồng ủy thác tiền dịch vụ môi trường rừng, hiện nay cơ quan chức năng đang tiến hành việc trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt kế hoạch thu chi tiền dịch vụ môi trường rừng. Tuy nhiên, công tác trồng rừng thay thế còn gặp khó khăn nhất định do hầu hết diện tích có thể trồng rừng thay thế tập trung ở vùng sâu, vùng xa.

2.6. Công tác chỉ đạo và kết quả xây dựng phương án phòng chống lũ, lụt cho hạ du các hồ chứa thủy điện, phổ biến quy hoạch và tăng cường công tác phòng chống lũ, lụt.

Các chủ đầu tư cơ bản đã tổ chức thực hiện các quy trình, phương án đã được duyệt, thường xuyên rà soát các phương án và quy trình vận hành hồ chứa. Trước mùa mưa lũ hàng năm các nhà máy thủy điện có kế hoạch tập kết vật tư, trang thiết bị cần thiết để phục vụ cho công tác phòng chống lũ, lụt và thực hiện các biện pháp đảm bảo an toàn hồ, đập theo quy định pháp luật.

Tuy nhiên, qua giám sát thấy rằng, công tác phối hợp giữa chủ đầu tư các công trình thủy điện với Ban Chỉ huy phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn các cấp và các cơ quan địa phương cần được thực hiện chặt chẽ hơn, nhất là trong công tác phối hợp thông báo, cảnh báo lũ.

3. Đánh giá tác động của các dự án đối với sự phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh của tỉnh

3.1. Về tác động tích cực

Các dự án thủy điện đi vào vận hành đã góp phần sử dụng hiệu quả nguồn tài nguyên nước, phát điện ổn định, bổ sung nguồn điện năng cho lưới điện quốc gia, tăng thu ngân sách cho địa phương¹⁶, góp phần nhất định vào phát triển kinh tế - xã hội.

Nhiều chủ đầu tư dự án thủy điện đã đưa người địa phương đi đào tạo, có chứng chỉ nghề để tham gia hoạt động sản xuất tại các nhà máy. Các nhà máy đã tạo việc làm ổn định cho khoảng 60 lao động với thu nhập bình quân khoảng 8-10 triệu đồng/người/tháng. Đội ngũ công nhân, người lao động đều được tham gia đóng bảo hiểm xã hội, đảm bảo các chế độ phúc lợi theo quy định.

Bên cạnh đó, chủ đầu tư các dự án thủy điện cũng có một số hoạt động đóng góp, hỗ trợ đối với địa phương (như hỗ trợ kinh phí làm đường giao thông, làm nhà văn hóa thôn, hỗ trợ các quỹ do địa phương phát động...).

3.2. Về tác động tiêu cực

Các thủy điện nhỏ vẫn chủ yếu thực hiện chức năng chính là phát điện. Còn mục tiêu tổng hợp sử dụng tài nguyên nước lưu vực sông nhằm phát huy hơn hiệu

¹⁶ Theo số liệu tại báo cáo số 566/BC-UBND ngày 07/9/2022 của UBND tỉnh: Sản lượng điện phát ra năm 2021 là 50,04 triệu kWh; tổng thu ngân sách hàng năm khoảng 11 tỷ đồng (gồm thu thuế GTGT; thuế tài nguyên nước; phí dịch vụ môi trường rừng; phí cấp quyền khai thác tài nguyên nước).

quả KT-XH thì chưa có kết quả rõ nét (như việc tận dụng mặt hồ nuôi thủy sản, du lịch sinh thái,...).

Việc xây dựng thủy điện có ảnh hưởng đến dòng chảy của các sông suối. Trong quá trình thi công các công trình thủy điện có tác động đến môi trường (như đất đá vùi lấp đất trồng lúa, đất trồng màu của nhân dân và sông, suối, hồ), nguồn thủy sản kém phong phú. Trong quá trình vận hành nhà máy, có các sự cố về đường ống làm sạt lở đất của nhân dân; làm thay đổi mực nước của dòng chảy vùng hạ lưu và thượng lưu của đập thủy điện¹⁷.

Một số nhà máy thủy điện khi đi vào hoạt động đã làm ngập úng thêm một số diện tích đất ngoài chỉ giới đất đã thu hồi (như nhà máy thủy điện Pác Cáp; nhà máy thủy điện Thác Giềng 1), gây khó khăn cho việc giao thông (đối với thủy điện Pác Cáp, thủy điện Tà Làng) và lấy nước sản xuất, nuôi thủy sản của người dân¹⁸.

4. Công tác quản lý, kiểm tra, giám sát việc thực hiện các quy định của pháp luật về đầu tư xây dựng, vận hành khai thác các dự án, công trình thủy điện

Nhìn chung, các cơ quan chức năng của tỉnh và chính quyền địa phương các huyện, các xã đã chủ động nắm tình hình đối với việc chấp hành các quy định về quy hoạch, xây dựng và vận hành các nhà máy thủy điện trên địa bàn và phối hợp giải quyết những khó khăn vướng mắc của nhân dân; thực hiện công tác quản lý, kiểm tra, giám sát theo thẩm quyền kịp thời phát hiện và xử lý vi phạm, chấn chỉnh các chủ đầu tư thực hiện nghiêm túc quy định của pháp luật. Tuy nhiên, công tác kiểm tra, giám sát chưa được thực hiện thường xuyên¹⁹; việc quản lý thực hiện giấy phép sau cấp phép còn hạn chế²⁰.

Về công tác giải quyết đơn thư: Qua báo cáo của UBND tỉnh, tại thời điểm giám sát, các cơ quan chuyên môn của tỉnh chưa nhận được đơn thư khiếu nại liên quan đến các dự án thủy điện đang vận hành. Qua báo cáo của UBND các xã, UBND một số xã²¹ đã nhận được kiến nghị và đơn thư của công dân phản ánh các vấn đề liên quan đến việc xây dựng và vận hành thủy điện trên địa bàn như: Sạt lở đất, thiếu nước phục vụ sản xuất, vướng mắc trong công tác bồi thường giải phóng mặt bằng, về áp giá đền bù, đề nghị bố trí tái định cư, về bồi thường do ảnh hưởng ngập úng đất sản xuất. Sau khi nhận được đơn thư, Ủy ban nhân dân các xã đã phối hợp với Chủ đầu tư, đơn vị tư vấn, cơ quan chuyên môn và các hộ gia đình phối hợp kiểm tra thực tế và xem xét giải quyết những vấn đề thuộc thẩm quyền. Tuy nhiên, tại thời điểm giám sát, một số vấn đề vướng mắc vẫn đang được chính quyền địa phương và các Chủ đầu tư phối hợp giải quyết (như vấn đề ngập úng diện tích đất ngoài chỉ giới thu hồi đất, bồi thường giải phóng mặt bằng).

¹⁷ Theo Báo cáo của UBND huyện Ba Bể, UBND xã Đồng Phúc

¹⁸ Theo Báo cáo của UBND xã Đồng Phúc thì ở phần hạ lưu nhà máy, các cánh đồng thường xuyên thiếu nước sản xuất, ảnh hưởng đến việc chủ động lấy nước tưới tiêu các cánh đồng của nhân dân và các ao nuôi thủy sản, đôi khi ảnh hưởng đến việc đi lại của người dân ở hạ lưu nhà máy.

¹⁹ Theo báo cáo của UBND tỉnh, các cơ quan chức năng của tỉnh đã thực hiện 02 cuộc thanh, kiểm tra việc chấp hành pháp luật về đất đai và môi trường đối với dự án thủy điện Pác Cáp và dự án thủy điện Thác Giềng 1; xử phạt vi phạm hành chính với tổng số tiền là 37 triệu đồng.

²⁰ Đánh giá tại báo cáo của Sở Tài nguyên & Môi trường.

²¹ Xã Đồng Phúc, huyện Ba Bể; xã Lương Thượng, Văn Minh, huyện Na Rì

II. ĐÁNH GIÁ CHUNG

Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Kạn đã chỉ đạo các sở, ngành, địa phương triển khai thực hiện nghiêm túc NQ62 của Quốc hội và Chương trình hành động của Chính phủ với các mục tiêu, nhiệm vụ cụ thể, rõ ràng; đã phối hợp thực hiện rà soát quy hoạch, quản lý đầu tư xây dựng và vận hành khai thác các công trình thủy điện trên địa bàn tỉnh đạt được những kết quả nhất định. Các chủ đầu tư đã thực hiện các quy định của pháp luật về đầu tư xây dựng, quy trình vận hành thủy điện, hồ chứa nước, trồng rừng thay thế, chi trả dịch vụ môi trường rừng; công tác bồi thường, hỗ trợ người dân bị ảnh hưởng mất đất sản xuất do xây dựng thủy điện tuân thủ các quy định hiện hành.

Tuy nhiên, còn có dự án chậm tiến độ; có nơi chưa phát huy được hết hiệu quả kinh tế của nhà máy thủy điện (do hệ thống lưới điện chưa đáp ứng được việc giải toả công suất phát của nhà máy²²); công tác phối hợp giữa cơ quan quản lý nhà nước với các đơn vị liên quan chưa thật sự chặt chẽ; việc chấp hành quy định pháp luật của chủ đầu tư có lúc còn chưa nghiêm²³; công tác phối hợp giữa một số chủ đầu tư với chính quyền địa phương trong việc xử lý các tồn tại, vướng mắc trong quá trình thực hiện chưa thật chặt chẽ; công tác kiểm tra, giám sát của cơ quan chức năng chưa thường xuyên; năng lực của một số cơ quan quản lý nhà nước về lĩnh vực thủy điện còn hạn chế²⁴.

III. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

1. Đối với Bộ Công Thương

- Đề nghị Bộ rà soát, đối chiếu các quy định tại Thông tư số 43/2012/TT-BCT ngày 27/12/2012 của Bộ Công Thương quy định về quản lý quy hoạch, đầu tư xây dựng dự án thủy điện và vận hành khai thác công trình thủy điện với các quy định tại Luật Quy hoạch hiện hành, từ đó nghiên cứu sửa đổi, bổ sung các quy định về quản lý quy hoạch, đầu tư xây dựng dự án thủy điện và vận hành khai thác công trình thủy điện cho phù hợp với Luật Quy hoạch hiện hành.

- Theo phân loại đập, hồ chứa nước tại Điều 3 Nghị định số 114/2018/NĐ-CP ngày 04/9/2018 của Chính phủ quy định đập có chiều cao trên 15m là đập, hồ chứa nước lớn mà không phụ thuộc vào dung tích hồ chứa; việc phân loại như vậy là chưa phù hợp. Từ thực tiễn trên địa bàn tỉnh có dự án thủy điện quy mô công suất (2,4MW), đập có chiều cao lên đến 18m, dung tích hồ chứa nhỏ (111.000m³), theo phân loại thuộc đập, hồ chứa nước lớn và sẽ phải thực hiện các quy trình rất chặt chẽ từ khâu thiết kế, quy trình vận hành, quy trình bảo dưỡng, phải lắp đặt các thiết bị quan trắc chuyên dùng... Do đó, đề nghị Bộ xem xét trình Chính phủ sửa đổi, bổ sung quy định trên cho phù hợp với thực tiễn.

2. Đối với Bộ Tài nguyên và Môi trường

²² Nhà máy thủy điện Pác Cáp.

²³ Qua báo cáo của UBND tỉnh, các cơ quan chức năng của tỉnh đã thực hiện 02 cuộc thanh, kiểm tra việc chấp hành pháp luật về đất đai và môi trường đối với dự án thủy điện Pác Cáp và dự án thủy điện Thác Giếng 1 trong quá trình đầu tư xây dựng và xử phạt vi phạm hành chính với tổng số tiền là 37 triệu đồng.

²⁴ BC số 566/BC-UBND ngày 07/9/2022.

- Đề nghị Bộ tăng cường công tác kiểm tra việc thực hiện các quy định trong giấy phép khai thác sử dụng nước mặt, kiểm tra công tác bảo vệ môi trường đối với các dự án thủy điện do Bộ cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt, phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường, đặc biệt trong quá trình thi công xây dựng (công tác đổ đất đá thải, đắp đập ngăn dòng, nạo vét dòng chảy..).

- Thường xuyên tổ chức các lớp tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ nhằm nâng cao năng lực cho cán bộ, công chức làm công tác quản lý nhà nước các cấp về lĩnh vực năng lượng, thủy điện, tài nguyên và môi trường.

3. Đối với Ủy ban nhân dân tỉnh

- Tiếp tục chỉ đạo thực hiện tốt việc phối hợp rà soát, đánh giá quy hoạch thủy điện và việc thực hiện quy hoạch thủy điện, nhất là các dự án đang bị chậm tiến độ, các dự án đang chuẩn bị đầu tư; chủ động rà soát, đánh giá toàn diện những công trình thủy điện đã và đang vận hành khai thác.

- Chỉ đạo các sở, ngành, địa phương nâng cao năng lực trong công tác phối hợp thẩm định chủ trương đầu tư các dự án, cần đánh giá kỹ, toàn diện các tác động, ảnh hưởng đến tự nhiên, đa dạng sinh học, môi trường, giao thông và cuộc sống của người dân trong vùng phạm vi ảnh hưởng của dự án.

- Chỉ đạo UBND cấp huyện, cấp xã nâng cao vai trò trong việc phối hợp quản lý, kiểm tra, giám sát hoạt động của các nhà máy thủy điện trên địa bàn, trong công tác phòng chống thiên tai tại địa phương.

- Tiếp tục chỉ đạo việc đôn đốc, hướng dẫn, giám sát các chủ công trình thủy điện thực hiện vận hành hồ chứa thủy điện bảo đảm đúng quy trình đã được phê duyệt; bảo đảm duy trì dòng chảy tối thiểu sau đập theo đúng thiết kế. Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra và xử lý vi phạm.

- Chỉ đạo thực hiện tốt các quy định về quản lý về phòng chống lụt bão, xây dựng bản đồ ngập lụt, quy chế phối hợp tìm kiếm cứu nạn; tăng cường hơn nữa công tác phối hợp giữa các nhà máy thủy điện với Ban Chỉ huy phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn các cấp.

- Chỉ đạo các địa phương, các ngành chức năng phối hợp chặt chẽ, thực hiện tốt chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng và trồng rừng thay thế trên địa bàn tỉnh, xử lý nghiêm những trường hợp vi phạm.

- Chỉ đạo Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Na Rì đẩy nhanh tiến độ thi công công trình cầu Nà Mực, xã Văn Minh, huyện Na Rì.

- Đánh giá cụ thể về ảnh hưởng của việc mất đất sản xuất đến sinh kế của người dân; chỉ đạo các đơn vị, địa phương nghiêm túc thực hiện việc xử lý đất ngập úng do việc dâng nước công trình thủy điện gây ra.

4. Đối với chủ đầu tư các dự án thủy điện.

- Chấp hành nghiêm các quy định của pháp luật trong công tác đầu tư xây dựng, quản lý, vận hành, khai thác, bảo trì các nhà máy thủy điện; hạn chế tối đa

những tác động, ảnh hưởng tiêu cực do thủy điện gây ra đối với đời sống xã hội, môi trường sống của nhân dân, thực hiện nghiêm túc các quy định về trồng rừng thay thế và chi trả dịch vụ môi trường rừng, đảm bảo an toàn hồ đập mùa mưa lũ; tích cực phối hợp với chính quyền địa phương và các sở, ngành chuyên môn khắc phục kịp thời các vướng mắc và các đề xuất, kiến nghị của nhân dân do ảnh hưởng hoặc tác động từ nhà máy thủy điện.

- Công ty Cổ phần thủy điện Sử Pán 1: Chủ động phối hợp với chính quyền địa phương giải quyết tồn tại trong giải phóng mặt bằng, đảm bảo tiến độ thực hiện dự án thủy điện Khuổi Nộc 1; giải quyết vướng mắc do tình trạng dâng nước ngập chỉ giới thu hồi đất tại xã Văn Minh, huyện Na Rì.

- Công ty Cổ phần Sông Đà Bắc Kạn: Chủ động, tích cực phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giải quyết tình trạng nước dâng ngập quá chỉ giới làm ảnh hưởng đến các hộ dân ở xã Mỹ Thanh (huyện Bạch Thông) và phường Xuất Hóa (thành phố Bắc Kạn).

- Đối với Chủ Đầu tư Thủy điện Tà Làng: Đề nghị xem xét các kiến nghị của nhân dân địa phương như sau:

+ Đề nghị cắm mốc ranh giới đúng chỉ giới đã thu hồi đất của nhân dân, tránh tình trạng tranh chấp đất giữa nhà máy và người dân.

+ Đề nghị đầu tư xây dựng kênh mương từ đầu sông Tà Làng kết nối Mường Nà Thầu để đảm bảo nước tưới tiêu, không phụ thuộc vào việc xả nước của nhà máy; đầu tư cầu hoặc cống qua cánh đồng Nà Cặm (gần hạ lưu nhà máy) để nhân dân đi lại sản xuất thuận tiện.

- Các chủ đầu tư và chính quyền địa phương chủ động, tích cực phối hợp nghiên cứu các giải pháp phát triển kinh tế cho người dân vùng thủy điện.

Trên đây là báo cáo kết quả giám sát của Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh Bắc Kạn về việc thực hiện Nghị quyết số 62/2013/QH13 ngày 27/11/2013 của Quốc hội về tăng cường công tác quản lý quy hoạch, đầu tư xây dựng, vận hành khai thác công trình thủy điện trên địa bàn tỉnh./.

Nơi nhận:

- Thường trực Tỉnh ủy (để báo cáo);
- Thường trực HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Các cơ quan, đơn vị thuộc đối tượng giám sát (tại KH số 49/KH-ĐDBQH ngày 16/8/2022 của Đoàn ĐBQH);
- Các thành viên ĐGS (Theo Quyết định số 10/QĐ-ĐDBQH ngày 30/8/2022 của Đoàn ĐBQH tỉnh);
- Các vị ĐBQH tỉnh;
- LĐVP;
- Phòng CTQH;
- Lưu: VT, HSCV (02 bản).

TM. ĐOÀN ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI
KT. TRƯỞNG ĐOÀN
PHÓ TRƯỞNG ĐOÀN

Hồ Thị Kim Ngân

BIỂU 01: TỔNG HỢP CÁC DỰ ÁN THỦY ĐIỆN TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH
(Kèm theo Báo cáo số /BC-ĐDBQH ngày tháng năm 2022 của Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh)

STT	Công trình	Xã	Huyện	Sông/ Suối	HT sông	Vĩ độ	Kinh độ	Flv (km2)	MND (m)	MNC (m)	MNH L (m)	Nlm (MW)
I	Các dự án thủy điện có trong Quy hoạch tại Quyết định số 2461/QĐ-UBND ngày 17/11/2010 của UBND tỉnh Bắc Kạn											
1	Tà Làng	Đồng Phúc	Ba Bể	Sông Tà Làng	Năng	22018'25"	105043'25"	27,8	610	608	195	4,5
2	Thượng Ân	Thượng Ân	Ngân Sơn	Sông Tà Cáy	Khuổi Các	22030'40"	106000'30"	52	470	468	390	2,4
3	Nậm Cắt	Đôn Phong	Bạch Thông	Sông Nậm Cắt	Cầu	22012'35"	105047'20"	92,3	278	276	192	3,2
4	Thác Giềng 1	Xuất Hoá	TP. Bắc Kạn	Sông Cầu	Cầu	22008'20"	105051'50"	750	110	105	92,5	4,5
5	Thác Giềng 2	Hòa Mục	Chợ Mới	Sông Cầu	Cầu	22007'20''	105048'40''	860	93	92,5	85,23	4,0
6	Pác Cáp	Lương Thành (nay là Sơn Thành)	Na Rì	Na Rì	Na Rì	22013'29"	106009'18"	253	327	323	261	3,2
7	Sông Năng	Bành Trạch	Ba Bể	Sông Năng	Năng	22030'32"	105040'50"	934	210	207	170	5
Tổng cộng												26,8

II	Dự án thủy điện được bổ sung năm 2018 theo Quyết định số 3566/QĐ-BCT ngày 03/10/2018 của Bộ Công Thương											
1	Thủy điện Khuổi Nộc	Lương Thượng	Na Rì	Sông Bằng Giang	Kỳ Cùng	26016'56"	106004'06"	520	282,5	281,5	264	6,6
III	Các Dự án thủy điện được bổ sung năm 2021 theo Quyết định số 781/QĐ-BCT ngày 04/3/2021 và Quyết định số 1021/QĐ-BCT ngày 29/3/2021 của Bộ Công Thương											
1	Thủy điện Mỹ Thanh	Mỹ Thanh	Bạch Thông	Sông Cầu	Thái Bình	22009'11,55 "	105053'38,5 3"	610,2	124,5		109,92	5
2	Thủy điện Pác Nặm	Xã Bằng Thành, xã Xuân La và xã An Thắng	Pác Nặm	Sông Năng	Hồng	22038'44,97 "	105043'37,5 2"	214,1	256,5		226,78	6,5
3	Thủy điện Công Bằng	Công Bằng	Pác Nặm	Nặm Sai	Gâm	22036'32,0"	105035'46,0 "	30	540		345	4
4	Thủy điện Bộc Bó	Bộc Bó	Pác Nặm	Nặm Khẩu	Gâm	22037'35,5"	105041'20,8 "	42	385		270	3,4
5	Thủy điện Khuổi Nộc 2	Thượng Quan; Lương Thượng	Ngân Sơn Na Rì	Bắc Giang	Kỳ Cùng	22019'02,00 "	106004'35,0 0"	260	318		290	4,2
6	Thủy điện Kim Lư	Kim Lư	Na Rì	Bắc Giang	Kỳ Cùng	22013,32'00 "	106013'18,0 0"	1.500	227		215	9
7	Thủy điện Nặm Cắt 2	Đôn Phong	Bạch Thông	Nặm Cắt	Cầu	22012'51,00 "	105044'57,0 0"	32	565		320	6

8	Thủy điện Khuổi Thóc	Đôn Phong	Bạch Thông	Khuổi Thóc	Cầu	22012'54,04 "	105045'1,10 "	33,8	412		319	3
9	Thủy điện Sông cầu 2	Nông Hạ	Chợ Mới	Cầu	Cầu	2200'10,72"	105049'51,3 1"	945	80		70	5,2
10	Thủy điện Sông cầu 3	Quảng Chu	Chợ Mới	Cầu	Cầu	21050'53,88 "	105049'10,5 8"	1.320	48		38	6,5
Tổng cộng											52,8	
IV	Dự án điều chỉnh công suất nâng công suất											
1	Thác Giềng 1	Xuất Hoá	TP. Bắc Kạn	Cầu	Cầu	22008'20"	105051'50"	750	106,5	105	93,6	5,5
2	Pác Cáp	Sơn Thành	Na Rì	Na Rì	Na Rì	22012'38"	106007'48"	540	246,5	245	242,5	6

BIỂU 02: TỔNG HỢP KẾT QUẢ DỰ ÁN THỦY ĐIỆN ĐÃ ĐƯA VÀO VẬN HÀNH
(Kèm theo Báo cáo số /BC-ĐDBQH ngày tháng năm 2022 của Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh)

STT	Tên dự án	Căn cứ quy hoạch được duyệt	Quyết định chủ trương đầu tư/GCNĐT	Tổng mức đầu tư được duyệt, nguồn vốn	Quy mô công suất (MW)	Văn bản thẩm định thiết kế cơ sở/TK kỹ thuật	Quyết định phê duyệt QTVH hồ chứa	Tiến độ thực hiện dự án	Dự án được cấp phép hoạt động, đưa vào vận hành
1	Thủy điện Tà Làng	Văn bản số 1770/BCN-NLDK ngày 23/4/2007 của Bộ Công nghiệp	GCNĐT số 13101000003 cấp ngày 14/5/2007, ĐC lần 1 ngày 23/4/2009 do UBND tỉnh Bắc Kạn cấp	102,211 tỷ đồng, vốn chủ sở hữu và vốn huy động	4,5	Văn bản số 62/BC-SCNKHCN ngày 14/8/2007	Quyết định số 2375/QĐ-UBND ngày 23/12/2011 của UBND tỉnh Bắc Kạn	Đã đưa vào vận hành phát điện	GPHĐ ĐL số 62/GP-ĐTĐL cấp ngày 24/08/2009 do Cục ĐTĐL, Bộ Công Thương cấp
2	Thủy điện Thượng Ân	Văn bản số 155/CV-NLDK ngày 11/01/2005 của Bộ Công nghiệp	GCNĐT số 13101000002 cấp ngày 11/5/2010 do UBND tỉnh Bắc Kạn cấp	40,63 tỷ đồng, vốn chủ sở hữu và vốn huy động	2,4	Văn bản số 28/SCNKH-ĐN ngày 24/4/2006	Quyết định số 740/QĐ-UBND ngày 16/5/2013 của UBND tỉnh Bắc Kạn	Đã đưa vào vận hành phát điện	GPHĐ ĐL số 539/GP-SCT ngày 24/9/2010 do Sở Công Thương Bắc Kạn cấp
3	Thủy điện Nậm Cắt	Văn bản số 4910/BCN-NLDK ngày 29/8/2006 của Bộ Công nghiệp	GCNĐT số 13101000001 cấp ngày 08/7/2007, ĐC lần 1 ngày 06/10/2009 do UBND tỉnh Bắc Kạn cấp	88,089 tỷ đồng, vốn chủ sở hữu và vốn huy động	3,2	Văn bản số 90/BC-SCNKH ngày 23/10/2007	Quyết định số 1357/QĐ-UBND ngày 09/7/2010 của UBND tỉnh Bắc Kạn	Đã đưa vào vận hành phát điện	GPHĐ ĐL số 40/GPĐTĐL ngày 10/7/2012 do Cục ĐTĐL, Bộ Công Thương cấp
4	Thủy điện Thác Giềng 1	Quyết định số 2461/QĐ-UBND ngày 17/11/2010 của UBND tỉnh Bắc Kạn; Quyết định số	QĐ CTĐT số 461/QĐ-UBND ngày 11/04/2017, điều chỉnh QĐ số 1329/QĐ-UBND	203,34 tỷ đồng, vốn chủ sở hữu và vốn huy động	5,5	Văn bản số 335/KQTD-SCT ngày 22/5/2017 và Văn bản số	Quyết định số 1881/QĐ-UBND ngày 20/10/2020 của UBND tỉnh Bắc Kạn	Đã đưa vào vận hành phát điện tháng 3/2021	GPHĐ ĐL số 27/GPĐTĐL ngày 02/02/2021 do Cục ĐTĐL, Bộ Công Thương

		1637/QĐ-BCT ngày 22/6/2020c của Bộ Công Thương	ngày 23/7/2020 của UBND tỉnh Bắc Kạn			14/SCT-NL ngày 28/12/2017 của Sở Công Thương			cấp
5	Thủy điện Pác Cáp	Quyết định số 2461/QĐ-UBND ngày 17/11/2010 của UBND tỉnh Bắc Kạn và Quyết định số 2019/QĐ-BCT ngày 11/6/2018 của Bộ Công Thương	QĐ CTĐT số 96/QĐ-UBND ngày 18/01/2018 của UBND tỉnh Bắc Kạn	208,879 tỷ đồng, vốn chủ sở hữu và vốn huy động	6,0	Văn bản số 11/SCT-NL ngày 06/6/2018 và Văn bản số 01/SCT-ATNL ngày 05/01/2019 của Sở Công Thương	Quyết định số 1472/QĐ-UBND ngày 17/8/2020 của UBND tỉnh Bắc Kạn	Đã đưa vào vận hành phát điện tháng 9/2021	GPHĐ ĐL số 206/GPĐTĐL ngày 07/9/2021 do Cục ĐTĐL, Bộ Công Thương cấp

BIỂU 03: DANH MỤC CÁC DỰ ÁN THỦY ĐIỆN ĐÃ ĐƯỢC CẤP CHỦ TRƯỞNG ĐẦU TƯ
(Kèm theo Báo cáo số /BC-ĐDBQH ngày tháng năm 2022 của Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh)

STT	Tên dự án	Công suất (MW)	Tổng vốn đầu tư (tỷ đồng)	Tiến độ đầu tư	Quyết định chủ trương đầu tư
1	Thủy điện Công Bằng	4,0	122,831	- Từ tháng 01 - 12/2022 Hoàn thiện thủ tục khởi công xây dựng; - Tháng 9/2023 chặn dòng; - Tháng 12/2023 phát điện tổ máy 01; - Tháng 02/2024 phát điện tổ máy 2	2265/QĐ-UBND ngày 31/12/2021
2	Thủy điện Pác Nặm	6,5	241,518	- Quý I – Quý III năm 2022 hoàn thiện thủ tục xây dựng.. - Quý IV năm 2022 – Quý III năm 2024 xây dựng lắp đặt thiết bị; - Quý IV năm 2024 phát điện	2272/QĐ-UBND ngày 31/12/2021
3	Thủy điện Mỹ Thanh	5,0	165,615	- Quý I – Quý III năm 2022 hoàn thiện thủ tục xây dựng.. - Quý IV năm 2022 – Quý III năm 2024 xây dựng lắp đặt thiết bị; - Quý IV năm 2024 phát điện	2673/QĐ-UBND ngày 31/12/2021
4	Thủy điện Khuổi Thốc	3,0	114,2	- Quý IV – Quý I năm 2022 hoàn thiện thủ tục xây dựng.. - Quý II năm 2022 – Quý I năm 2024 xây dựng lắp đặt thiết bị; - Quý II năm 2024 phát điện	2669/QĐ-UBND ngày 31/12/2021
5	Thủy điện Nặm Cắt 2	6,0	185,723	- Tháng 01/2022 – tháng 3/2022 hoàn thiện thủ tục xây dựng.. - Tháng 4 – 10/2022 xây dựng công trình.. - tháng 11/2022 chặn dòng; - Tháng 8/2023 phát điện tổ máy 1; tháng 10/2023 phát điện tổ máy 2	2668/QĐ-UBND ngày 31/12/2021
6	Thủy điện Kim Lư	9,0	382,934	- Quý I-Quý IV năm 2022 Hoàn thiện thủ tục khởi công xây dựng;	2667/QĐ-UBND ngày 31/12/2021

				Quý I/2023 – Quý IV/ 2024 đưa nhà máy vào vận hành.	
7	Thủy điện Khuổi Nộc 2	4,2	147	- Tháng 01 -03 /2022 hoàn thiện các thủ tục, khởi công xây dựng; - Tháng 4/2022 – 01/2024 xây dựng công trình và đưa vào vận hành.	471/QĐ-UBND ngày 31/12/2021
8	Thủy điện Khuổi Nộc	6,6	224,220	- Quý III/2019 - Quý IV/2020 Hoàn thiện thủ đất đai, GPMB, môi trường, xây dựng; - Quý IV/2020 - Quý IV/ 2022 thực hiện các hạng mục công trình. - Quý I/2022 - Quý III/ 2023 hoàn thiện việc xây dựng và lắp đặt thiết bị. - Quý IV/ 2023 phát điện thương phẩm.	181/QĐ-UBND ngày 20/8/2019 (Mật)
9	Thủy điện Thác Giềng 2	4,0	349,15 (bao gồm cả Thác Giềng 1)	- Quý I/2021 - Quý II/2022 khởi công xây dựng các hạng mục, ngăn sông công trình; - Quý III/2022 - Quý I/ 2023 hoàn thiện lắp đặt thiết bị và phát điện.	1329/QĐ-UBND ngày 23/7/2020